

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN YÊN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST

Ngày 21/8/2018

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình  
giữa bà H với ông M”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG  
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Thế Đăng
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Lâm Giang  
2. Ông Giáp Hồng Thanh

Thư ký Toà án bà Đoàn Thị Oanh - Cán bộ Tòa án ghi biên bản phiên toà.

Đại diện VKS tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- 1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1968 (có mặt)  
Nơi cư trú: thôn B, xã S, huyện T, tỉnh B.
- 2. Bị đơn: ông Lưu Văn M - sinh năm 1966 (đề nghị xét xử vắng mặt)  
Nơi ĐKKH: thôn B, xã S, huyện T, tỉnh B.  
Tạm trú: khu phố 9, phường Chánh Ph, thị xã B, tỉnh B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà kết hôn với ông Lưu Văn M vào ngày 27/3/1987, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S. Sau khi kết hôn, bà về chung sống với ông. Trong quá trình chung sống, ông M thường xuyên vô cớ bạo lực, đánh đập bà vì những lý do nhỏ nhặt trong cuộc sống. Từ sau khi bà sinh con gái thứ 3 (năm 1996) thì ông M càng đánh đập bà nhiều hơn. Từ năm 1997 đến nay, ông M đã chung sống như vợ chồng với một người phụ nữ khác và đã có 02 con chung với người này. Mặc dù ông M đánh đập và ngoại tình nhưng bản thân bà vẫn luôn cố gắng chịu đựng để lo cho con cái. Cách đây 05 năm, ông M vào miền Nam làm

ăn, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Tháng 9/2017, ông M trở về nhà và lại tiếp tục dùng dao, gậy sắt và dùi cui đánh đập bà 02 lần nữa. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng đã hết, bà không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với ông M nữa. Bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Lưu Văn M.

Về con chung: bà và ông M có 05 con chung là Lưu Thị L - sinh ngày 26/5/1988, Lưu Thị L - sinh ngày 09/01/1992, Lưu Thị H - sinh ngày 06/12/1996, Lưu Thị Thanh H - sinh ngày 16/6/2002, Lưu Thị Thanh M - sinh ngày 02/5/2005. Nay 03 con lớn là đã trưởng thành và tự lập cuộc sống nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với 02 con nhỏ là H, M thì bà yêu cầu được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác và công sức đóng góp trong thời gian ở chung: bà và ông M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà H giữ nguyên ý kiến.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 20/3/2018, bản tự khai ngày 01/6/2018, biên bản lấy lời khai ngày 08/6/2018, bị đơn là ông Lưu Văn M trình bày:

Ông và bà H kết hôn năm 1987, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn bất đồng, gây gổ nhau. Ông bà đã ly thân cách đây đã 8 năm. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà H xin ly hôn thì ông đồng ý. Ông cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn bà H.

Về con chung: ông và bà H có 05 con chung như bà H đã trình bày. Trong đó 3 con lớn đã trưởng thành nên không đề nghị giải quyết. Còn hai cháu nhỏ là M và H thì ông đề nghị được nuôi cháu M, còn cháu H giao cho bà H nuôi. Nếu bà H cũng yêu cầu nuôi cả hai cháu thì ông cũng đồng ý vì hiện nay ông không có việc làm, không có thu nhập.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác và công sức đóng góp trong thời gian ở chung: ông và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các đơn yêu cầu giải quyết và đơn yêu cầu vắng mặt đều ghi ngày 08/6/2018, ông M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T giải quyết vụ án vì hiện nay ông vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã S, huyện T và vụ án này cũng được Tòa án nhân dân huyện T giải quyết từ đầu. Do ở xa không thể tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án được nên ông đề nghị được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết cũng như xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, ông M vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện T phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đều thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: Ngày 10/10/2017, bà H nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Lưu Văn M có nơi cư trú tại thôn B, xã S, huyện T, tỉnh B. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án đã xác định được ông M đã cư trú tại Khu phố 3, phường Chánh Ph, thị xã B, tỉnh B từ trước khi thụ lý vụ án. Tòa án nhân dân huyện T đã chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh B giải quyết vụ án theo thẩm quyền. Tuy nhiên, quá trình giải quyết tại đây, ông M đã có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T giải quyết vụ án và Tòa án nhân dân thị xã B đã chuyển lại vụ án cho Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông M có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định. Tại phiên tòa, ông M vắng mặt nhưng đã có đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt ông M là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà H và ông M kết hôn năm 1987 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T nên hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông bà đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Đến khi bà H sinh con thứ 3 (năm 1996), vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra xô xát, đánh cãi nhau. Sau đó ông M làm nghề thợ xây, thường xuyên đi làm xa nhà đã có quan hệ với người phụ nữ khác và ít khi về nhà chung sống cùng bà H. Cách đây khoảng 5 năm, ông M đã vào miền Nam làm ăn sinh sống. Khi ông M về thăm nhà thì vợ chồng lại xảy ra xô xát, đánh nhau, hai vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều năm trước. Nay bà H xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông M và yêu cầu ly hôn ông M thì ông cũng đồng ý, cũng đề nghị được ly hôn bà H. HĐXX thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông M đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, ông bà đều đề nghị được ly hôn. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho bà H ly hôn ông M.

[3] Về con chung: bà H và ông M có 05 con chung nhưng 03 con đã trưởng thành, ông bà đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết. Đối với hai cháu H và M thì đều có nguyện vọng ở với bà H, bà H cũng yêu cầu được nuôi cả hai cháu, ông M thì yêu cầu nuôi cháu M, còn cháu H giao cho bà H nuôi nhưng nếu bà H yêu cầu nuôi cả hai cháu thì ông cũng đồng ý để bà H nuôi cả hai cháu. HĐXX thấy: Từ khi sinh ra đến nay các cháu vẫn ở với bà H, mặc dù một mình bà H nuôi dưỡng các con chung cũng vất vả nhưng bà vẫn cố gắng chăm lo được cho các cháu. Nay yêu cầu nuôi dưỡng cháu M và cháu H của bà H phù hợp với nguyện vọng của hai cháu, phù hợp với ý kiến của ông M nên HĐXX chấp nhận giao hai cháu H và M cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng là đúng quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, ruộng canh tác: bà H và ông M đều không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: bà H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.  
Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Lưu Văn M.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là Lưu Thị Thanh H - sinh ngày 16/6/2002 và Lưu Thị Thanh M - sinh ngày 02/5/2005. Ông Lưu Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở ông M thực hiện quyền, nghĩa vụ này. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2016/0003897 ngày 18/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận bà H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Phạm Thế Đăng**